

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến 19 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Đơn vị") là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07 tháng 07 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 ngày 30 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 13 tháng 06 năm 2012 bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng, khách du lịch;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán khoáng sản.

Vốn điều lệ của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 05) là: **31.532.000.000đ** (Ba mươi một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (đ), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12 dương lịch hàng năm

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Đơn vị áp dụng Chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Trong năm tài chính 2012, Đơn vị đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

3. Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ - Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền được xác định là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán căn cứ vào tỷ giá hối đoái thực tế của ngân hàng Đơn vị giao dịch tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cuối năm tài chính, được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến 19 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận và xác định nguyên giá phù hợp với chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao mà Đơn vị áp dụng cụ thể như sau:

	<i>Thời gian khấu hao</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	3 - 10 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 - 6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 4 năm

- Tài sản cố định vô hình được ghi nhận và xác định nguyên giá phù hợp với chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

Website, phần mềm kế toán và hệ thống mạng lan

Bao gồm toàn bộ chi phí để đưa Website, phần mềm kế toán và hệ thống mạng lan vào sử dụng. Website, phần mềm kế toán và hệ thống mạng lan được khấu hao trong vòng 03 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước: Phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán thuộc một hay nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nên chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ phát sinh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí kinh doanh vào từng kỳ hạch toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết phát sinh tăng, giảm, chi phí chưa phân bổ của từng khoản mục.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Đơn vị được góp từ khi thành lập và được góp bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Các quỹ được hình thành từ phân phối nhuận của hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Đơn vị có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch này. Việc bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến 19 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính : Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Đơn vị có quyền nhận khoản lãi.

8. Trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quý dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc, Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ 1% - 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2012, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, doanh nghiệp không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Thuế TNDN thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Trong năm 2012, Đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế TNDN của Đơn vị căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả thẩm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các khoản thuế và lệ phí khác nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

Chi tiêu	31/12/2012 <i>d</i>	01/01/2012 <i>d</i>
Tiền mặt	850.333.523	91.935.346
Tiền gửi ngân hàng	467.322.506	83.756.689
Tiền gửi VND	467.322.506	83.756.689
- Ngân hàng VPBANK - CN Nghệ An	302.729.649	5.208.162
- Ngân hàng Công thương Nghệ An	-	5.966.373
- Ngân hàng TMCP á Châu	91.231.934	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Nghệ An	-	12.806.850
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Nghệ An	69.810.391	1.713.276
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Nghệ An	-	56.988.434
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Nghệ An	-	1.073.594
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	3.550.532	-
Tổng cộng	1.317.656.029	175.692.035

2. Các khoản tương đương tiền (*)

Chi tiêu	31/12/2012 <i>d</i>	01/01/2012 <i>d</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng VPBANK	7.331.220.847	16.164.286.111
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	19.000.000.000	9.477.951.667
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	3.045.168.750	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	13.820.361.184
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP á Châu	17.400.000.000	-
Tổng cộng	46.776.389.597	39.462.598.962

Ghi chú (*): Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến 19 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**3. Các khoản phải thu khác**

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
	<i>d</i>	<i>d</i>
- Phải thu khác	199.796.281	295.340.523
<i>Phải thu bên Bảo hiểm</i>	275.281	23.319.762
<i>Phải thu khác</i>	199.521.000	272.020.761
Tổng cộng	199.796.281	295.340.523

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
	<i>d</i>	<i>d</i>
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.692.759
Tổng cộng	-	3.692.759

5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, DC quản lý	Tổng cộng
	<i>d</i>	<i>d</i>	<i>d</i>	<i>d</i>
Nguyên giá				
Tại 01/01/2012	23.373.133.584	2.678.077.148	1.002.351.305	27.053.562.037
<i>Số tăng trong kỳ</i>	<i>426.822.407</i>	-	<i>773.523.466</i>	<i>1.200.345.873</i>
- Mua trong năm	-	-	391.600.000	391.600.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	414.122.407	-	-	414.122.407
- Tăng khác	12.700.000	-	381.923.466	394.623.466
<i>Số giảm trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>585.341.175</i>	<i>585.341.175</i>
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, chuyển nhượng	-	-	203.417.709	203.417.709
- Giảm khác	-	-	381.923.466	381.923.466
Tại 31/12/2012	23.799.955.991	2.678.077.148	1.190.533.596	27.668.566.735
Giá trị hao mòn				
Tại 01/01/2012	20.213.247.778	1.643.342.522	716.443.119	22.573.033.419
<i>Số tăng trong kỳ</i>	<i>1.622.937.106</i>	<i>364.627.103</i>	<i>148.995.103</i>	<i>2.136.559.312</i>
Khấu hao trong năm	1.622.937.106	364.627.103	148.995.103	2.136.559.312
- Tăng khác	-	-	-	-
<i>Số giảm trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>173.606.600</i>	<i>173.606.600</i>
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	173.606.600	173.606.600
- Giảm khác	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	21.836.184.884	2.007.969.625	691.831.622	24.535.986.131
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2012	3.159.885.806	1.034.734.626	285.908.186	4.480.528.618
Tại 31/12/2012	1.963.771.107	670.107.523	498.701.974	3.132.580.604

-Nguyên giá Tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

16.037.649.539